

Bản án số: 24 / 2024/ HS-ST  
Ngày: 10 - 4 - 2024.

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Y, TỈNH NINH BÌNH**

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa:* Ông Vũ Nhật Trung.

*Các hội thẩm nhân dân:* Ông Vũ Văn Chiến và bà Lê Thu Phương.

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Cao Cường - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Ninh Bình.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Y, tỉnh Ninh Bình tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Ngọc Dương - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Ninh Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 18/2024/ TLST-HS ngày 18 tháng 3 năm 2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 22/2024/QĐXXST- HS ngày 29 tháng 3 năm 2024 đối với các bị cáo:

- Họ và tên: Trịnh Văn L; sinh năm 1989 tại tỉnh Ninh Bình; nơi cư trú: xóm N, xã K, huyện Y, tỉnh Ninh Bình; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: Lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trịnh Văn V và bà Đinh Thị K; vợ, con: Chưa có. Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo đang được áp dụng biện pháp ngăn chặn “Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú”, có mặt.

- Họ và tên: Lê Văn C; sinh năm 1985 tại tỉnh Ninh Bình; nơi cư trú: xóm N, xã K, huyện Y, tỉnh Ninh Bình; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: Lớp 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn C (đã chết) và bà Phạm Thị R; có vợ: Chị Phạm Thị T và có 03 con, con lớn sinh năm 2012, con nhỏ sinh năm 2021. Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo đang được áp dụng biện pháp ngăn chặn “Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú”, có mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 13/12/2023, qua nguồn tin tố giác của quần chúng nhân dân về việc Trịnh Văn L, sinh năm 1989 trú tại xóm N, xã K, huyện Y, tỉnh Ninh Bình có hành vi bán số lô, số đề trái phép. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Y đã triệu tập Trịnh Văn L lên làm việc.

Tại cơ quan điều tra, Trịnh Văn L thừa nhận hành vi bán số đề trái phép cho Lê Văn C, sinh năm 1985 trú tại xóm N, xã K, huyện Y, tỉnh Ninh Bình và giao nộp lại chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO RENO 8 mà L sử dụng để nhắn tin bán số đề trái phép.

Tiến hành triệu tập Lê Văn C lên làm việc, C thừa nhận hành vi mua số đề trái phép của Trịnh Văn L và giao nộp lại chiếc điện thoại di động nhãn hiệu REALME C25Y sử dụng để nhắn tin cho Trịnh Văn L.

Quá trình điều tra xác định:

Ngày 11/12/2023, Trịnh Văn L sử dụng điện thoại di động nhãn hiệu OPPO RENO 8 đăng nhập tài khoản Zalo “Steroi” nhắn tin bán số đề trái phép cho Lê Văn C qua tài khoản Zalo là “ChienSonKH” đăng nhập trên điện thoại di động nhãn hiệu REALME C25Y. Cụ thể: L bán cho C các số đề gồm “30,31,32,33,34,35,36,37,38,39” mỗi số 100.000 đồng, tổng là 1.000.000 đồng. Các đối tượng thống nhất: lấy kết quả xổ số kiến thiết miền Bắc mở thưởng cùng ngày để xác định việc trúng thưởng, đối với số đề 02 chữ số nếu trùng với 02 số cuối cùng của giải Đặc biệt thì tỉ lệ trúng thưởng là 1: 80 (cứ 1.000 đồng trúng thưởng thì được 80.000 đồng) và Trịnh Văn L sẽ là người trả thưởng. Sau khi đối chiếu kết quả xổ số miền Bắc mở thưởng trong ngày thì Lê Văn C đã trúng số đề “38” với số tiền là  $100.000 \text{ đồng} \times 80 = 8.000.000 \text{ đồng}$ . Số tiền mua đề và tiền trúng thưởng hai người chưa thanh toán với nhau.

Như vậy, tổng số tiền mà Trịnh Văn L, Lê Văn C sử dụng vào việc chơi số đề được thua trong ngày 11/12/2023 là  $8.000.000 \text{ đồng} + 1.000.000 \text{ đồng} = 9.000.000 \text{ đồng}$ .

Tại cơ quan điều tra, Trịnh Văn L, Lê Văn C đã thừa nhận hành vi phạm tội như nội dung trên và tự nguyện giao nộp lại số tiền sử dụng vào việc chơi số đề và trả thưởng: Trịnh Văn L nộp lại 8.000.000 đồng, Lê Văn C nộp lại 1.000.000 đồng.

**VỀ VẬT CHỨNG VÀ TÀI SẢN THU GIỮ:**

- Đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO RENO 8 không lắp sim thu giữ của Trịnh Văn L; 01 điện thoại di động nhãn hiệu REALME C25Y lắp sim 0988.069.293 thu giữ của Lê Văn C; số tiền 9.000.000 đồng, được chuyển đến Chi cục thi hành án dân sự huyện Y để giải quyết theo vụ án.

Quá trình điều tra, Trịnh Văn L, Lê Văn C đã thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội nêu trên.

Tại bản cáo trạng số: 20/CT-VKSK, ngày 18 tháng 3 năm 2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Y, tỉnh Ninh Bình đã truy tố bị cáo Trịnh Văn L, Lê Văn C để xét xử về tội “Đánh bạc” quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự.

Tại phiên toà Kiểm sát viên tham gia phiên tòa trình bày lời luận tội, sau khi phân tích đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội, nhân thân của bị cáo và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đã giữ nguyên quan điểm như đã truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Tuyên bố bị cáo Trịnh Văn L, Lê Văn C phạm tội “Đánh bạc”.
- Căn cứ khoản 1 Điều 321; các điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 35 Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo.

Xử phạt tiền bị cáo Trịnh Văn L từ 25.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng để sung ngân sách Nhà nước.

Xử phạt tiền bị cáo Lê Văn C từ 20.000.000 đồng đến 25.000.000 đồng để sung ngân sách Nhà nước.

- Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự và Điều 47 của Bộ luật hình sự.

+ Tịch thu sung ngân sách Nhà nước 02 chiếc điện thoại di động gồm: 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO RENO 8 không lắp sim; 01 điện thoại di động nhãn hiệu REALME C25Y máy có lắp sim, đã thu giữ của các bị cáo do sử dụng vào việc phạm tội.

+ Tịch thu tiêu hủy 01 chiếc sim điện thoại di động có số thuê bao 0988.069.293 được lắp trong máy điện thoại REALME C25Y đã thu giữ của bị cáo C là vật chứng của vụ án do không có giá trị sử dụng.

+ Tịch thu sung ngân sách nhà nước số tiền 9.000.000 đồng là số tiền các bị cáo sử dụng vào đánh bạc (trong đó bị cáo L nộp lại là 8.000.000 đồng, bị cáo C nộp lại 1.000.000 đồng tại Cơ quan điều tra huyện Y).

Các bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Các bị cáo không có ý kiến bào chữa, tranh luận gì, đều nhận thấy hành vi phạm tội là đúng nên xin Hội đồng xét xử cho bị cáo được hưởng mức án thấp nhất để tạo điều kiện sửa chữa lỗi lầm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, Quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra công an huyện Y, điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Y, kiểm sát viên trong quá trình điều tra truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục được quy định trong Bộ luật tố tụng hình sự; trong quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo không có ý kiến khiếu nại về hành vi, Quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do vậy các hành vi, quyết định tố tụng của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai tại phiên tòa của bị cáo Trịnh Văn L và Lê Văn C đúng như nội dung của bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Y, đã truy tố. Xét lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, phù hợp với vật chứng đã thu giữ và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án đã có đủ cơ sở kết luận: Do háms lợi nên bị cáo L đã bán các cặp số lô, số đề trái phép cho bị cáo C, sau đó bị cáo L tự trả thưởng nếu người chơi trúng thưởng. Do vậy bị cáo L và C đã thực hiện hành vi đánh bạc bằng hình thức chơi “số lô”, “số đề” trái phép được thua bằng tiền cụ thể: Vào ngày 11/12/2023, bị cáo C đã nhắn tin cho bị cáo L để mua và bán các cặp số lô, số đề với tổng số tiền là 1.000.000 đồng. Sau đó đối chiếu với kết quả xổ số cùng ngày thì bị cáo C trúng thưởng số tiền 8.000.000 đồng. Số tiền mua và trúng thưởng giữa L và C chưa thanh toán cho nhau.

[3] Hành vi của các bị cáo đã trực tiếp xâm phạm đến trật tự công cộng được pháp luật bảo vệ. Bị cáo L và C có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, biết rõ

việc đánh bạc, bằng hình thức mua bán các cặp số lô, số đề trái phép là vi phạm pháp luật song vẫn cố ý thực hiện.

Nội dung Điều 321 tội đánh bạc của Bộ luật hình sự quy định:

“1. Người nào đánh bạc trái phép dưới bất kỳ hình thức nào được thua bằng tiền hay hiện vật trị giá từ 5.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng nhưng đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này hoặc hành vi quy định tại Điều 322 của Bộ luật này hoặc đã bị kết án về tội này hoặc tội quy định tại Điều 322 của Bộ luật này, chưa được xoá án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.

2....

3. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng”.

[4] Đối chiếu với quy định của pháp luật hình sự thấy hành vi, tội danh và điều khoản áp dụng tại cáo trạng, lời luận tội, các chứng cứ buộc tội bị cáo như Kiểm sát viên trình bày tại phiên tòa là có căn cứ. Căn cứ vào hành vi và số tiền mà L đã thực hiện để đánh bạc với C, trong ngày 11/12/2023 là 9.000.000 đồng thì hành vi của các bị cáo đã phạm tội đánh bạc, được quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự.

Hành vi phạm tội của các bị cáo không chỉ xâm hại đến khách thể được luật hình sự bảo vệ mà còn gây ảnh hưởng xấu đến trật tự an toàn xã hội ở địa phương. Do đó cần có hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội của các bị cáo để giáo dục, cải tạo bị cáo và có tác dụng đấu tranh phòng ngừa chung.

[5] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự; các bị cáo có tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự “Người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải” và “Phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng”, ngoài ra các bị cáo đã tự nguyện nộp lại toàn bộ số tiền đánh bạc tại Cơ quan điều tra, được quy định tại các điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự, được áp dụng để giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo.

[6] Căn cứ quy định của Bộ luật hình sự cân nhắc tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân và tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo, Hội đồng xét xử thấy bị cáo bị cáo L và C đều có nhân thân tốt, có nơi cư trú ổn định rõ ràng và phạm tội lần đầu, thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, số tiền đánh bạc không lớn nên chỉ cần áp dụng hình phạt chính bằng phạt tiền là phù hợp với tính chất hành vi của các bị cáo. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo vì đã được áp dụng hình phạt chính bằng tiền. Trong vụ án này bị cáo L là người trực tiếp bán và trả thưởng nên giữ vai trò chính do vậy về trách nhiệm hình sự phải chịu là cao hơn bị cáo C là phù hợp với tính chất của mỗi bị cáo.

Ngoài ra vào ngày 12/12/2023, bị cáo C đã nhắn tin cho bị cáo L để mua và bán các cặp số lô, số đề với tổng số tiền là 400.000 đồng, đối chiếu với kết quả xổ số cùng ngày thì bị cáo C không trúng thưởng. Ngày 13/12/2023, bị cáo C đã nhắn tin cho bị cáo L để mua và bán các cặp số lô, số đề với tổng số tiền mua và trúng thưởng là 2.900.000 đồng. Do số tiền đánh bạc qua hai ngày đều

dưới 5.000.000 đồng, bản thân L và C chưa bị xử phạt vi phạm hành chính, bị kết án về các tội Đánh bạc, Gá bạc, Tổ chức đánh bạc nên hành vi không cấu thành tội phạm. Công an huyện Y, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Y đã ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính và truy thu số tiền dùng đánh bạc đối với L và C về hành vi đánh bạc là phù hợp.

[7] Về các biện pháp tư pháp và xử lý vật chứng:

Đối với 02 chiếc điện thoại di động gồm: 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO RENO 8 không lắp sim thu giữ của L; 01 điện thoại di động nhãn hiệu REALME C25Y có lắp sim thu giữ của C; đây là vật chứng của vụ án, nên cần tịch thu, hóa giá để sung ngân sách Nhà nước.

Về 01 chiếc sim điện thoại di động số thuê bao số 0988.069.293 được lắp trong máy điện thoại thu giữ của C là vật chứng của vụ án do không có giá trị sử dụng, cần tịch thu tiêu hủy.

Đối với số tiền 9.000.000 đồng mà các bị cáo sử dụng vào việc đánh bạc bị truy tố, do chưa thanh toán tiền mua và trúng thưởng cho nhau, do đó L đã nộp lại 8.000.000 đồng, C đã nộp lại 1.000.000 đồng tại Cơ quan điều tra Công an huyện Y, là số tiền dùng vào việc đánh bạc nên cần tịch thu để sung ngân sách Nhà nước.

[8] Về án phí: Các bị cáo bị kết án phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

**Vì các lẽ trên,**

### **QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ khoản 1 Điều 321; các điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 35 của Bộ luật hình sự đối với các bị cáo.

Căn cứ Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự và Điều 47 Bộ luật hình sự.

Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên bố bị cáo: Trịnh Văn L, Lê Văn C phạm tội “Đánh bạc”.

Xử phạt tiền: Bị cáo Trịnh Văn L 25.000.000 đồng (hai mươi lăm triệu đồng) để sung ngân sách Nhà nước.

Xử phạt tiền: Bị cáo Lê Văn C 23.000.000 đồng (hai mươi ba triệu đồng) để sung ngân sách Nhà nước.

2. Về xử lý vật chứng:

+ Tịch thu sung ngân sách Nhà nước 02 chiếc điện thoại di động gồm: 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO RENO 8 không lắp sim; 01 điện thoại di động nhãn hiệu REALME C25Y máy có lắp sim, đã thu giữ của các bị cáo do sử dụng vào việc phạm tội (được niêm phong trong 02 phong bì).

+ Tịch thu tiêu hủy 01 chiếc sim điện thoại di động có số thuê bao 0988.069.293 được lắp trong máy điện thoại REALME C25Y đã thu giữ của bị cáo C là vật chứng của vụ án do không có giá trị sử dụng.

+ Tịch thu số tiền 8.000.000 đồng của bị cáo Trịnh Văn L và số tiền 1.000.000 đồng của bị cáo Lê Văn C, đã tự nguyện nộp lại tại Cơ quan điều tra Công an huyện Y để sung ngân sách Nhà nước

Số tiền và vật chứng trên Công an huyện Y đã chuyển cho Chi cục thi hành án dân sự huyện Y theo giấy ủy nhiệm chi ngày 20/3/2024 tại Kho bạc Nhà nước huyện Y và vật chứng có đặc điểm như mô tả tại biên bản giao nhận vật chứng ngày 19/3/2024 giữa Công an huyện Y và Chi cục thi hành án dân sự huyện Y, tỉnh Ninh Bình.

3. Về án phí: Buộc bị cáo Trịnh Văn L và Lê Văn C mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng (*hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm để sung ngân sách Nhà nước.

Án xử công khai sơ thẩm bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

**Nơi nhân:**

- TAND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND huyện Y;
- Cơ quan CSĐT.CA huyện Y;
- Cơ quan THAHS huyện Y;
- Chi cục THADS huyện Y;
- Các bị cáo.
- Lưu hồ sơ vụ án

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Vũ Nhật Trung**